

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ỨS HÀ NỘI**  
Năm báo cáo: 2018

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ỨS HÀ NỘI (HASITEC.,JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100769649
- Vốn điều lệ: 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 11A Nguyễn Khuyến, P Văn Miếu, Q Đống Đa, Tp Hà nội
- Số điện thoại: (+84) 24 3747 0303/ext 2864
- Số fax: (+84) 24 3747 1758
- Website: hasitec.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): HCS

*Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
  - + Ngày 28/4/1979 Tổng cục Đường sắt có quyết định số 107/TCNS-TCĐS Thành lập Đoạn Thông tin tín hiệu Hà Nội trực thuộc XNLHVTĐS/Khu vực I (Tiền thân của Công ty CP Thông tin tín hiệu ỨS Hà Nội ngày nay);
  - + Ngày 17/4/1989 BGTVT có quyết định số 881/QĐ-TCCB-LĐ, đổi tên XNT<sup>3</sup>H số 2 thành XNT<sup>3</sup>HĐS Hà Nội, trực thuộc XNLH VTĐS khu vực I;
  - + Ngày 20/3/2003 BGTVT có Quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT, đổi tên thành Công ty T<sup>3</sup>HĐS Hà Nội;
  - + Ngày 16/12/2010 HĐTV Tổng công ty ĐSVN có Quyết định số 1631/QĐ-ĐS, v/v Chuyển Công ty T<sup>3</sup>HĐS Hà Nội thành Công ty TNHH MTV T<sup>3</sup>HĐS Hà Nội;
  - + Ngày 22/01/2016 - Chuyển đổi thành Công ty CP Thông tin tín hiệu ỨS Hà Nội.

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	Hoạt động DV hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (KD chính)
2	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
3	Sửa chữa thiết bị điện
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
5	Phá dỡ
6	Chuẩn bị mặt bằng
7	Lắp đặt hệ thống điện
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
9	Hoàn thiện công trình xây dựng
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
11	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
13	Hoạt động viễn thông có dây
14	Hoạt động viễn thông không dây
15	Hoạt động viễn thông khác: Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet
16	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
17	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)
18	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi
19	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn
20	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
21	Sửa chữa thiết bị liên lạc
22	Sản xuất các cấu kiện kim loại
23	Sản xuất thiết bị truyền thông
24	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
25	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
26	Sản xuất thiết bị điện khác
27	Lập trình máy vi tính
28	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
29	Hoạt động dịch vụ CN thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
30	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
31	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
35	DV lưu trú ngắn ngày (Không gồm KD quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
37	Cho thuê xe có động cơ
38	Cho thuê MMTB và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê MMTB bị xây dựng
39	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

- Địa bàn kinh doanh:
  - + Hà Nội, Vĩnh Phúc - Phú Thọ, Yên Bái - Lào Cai;
  - + Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng;
  - + Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:
  - + Đại hội đồng cổ đông.
  - + Hội đồng quản trị;
  - + Ban kiểm soát.
  - + Giám đốc và bộ máy.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - + Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
  - + Các phòng tham mưu, nghiệp vụ: KTAT, KHVT, TCKT, TCHC, ĐHDA, Trung tâm giám sát đường ngang và CNTT;
  - + Các chi nhánh T<sup>3</sup>HD: Hà Nội, Hà Hải, Hà Ninh, Hà Yên, Yên Lào và XNXL;
  - + Các tổ, đội sản xuất trực tiếp.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - + Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
  - + Hoàn thành 100% kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (theo Hợp đồng đặt hàng) với chất lượng loại A.
  - + Mở rộng, phát triển các ngành nghề kinh doanh khác tìm kiếm doanh thu, lợi nhuận phù hợp với điều kiện nguồn lực; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển Công ty, Tổng công ty và nền Kinh tế đất nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Tập trung xây dựng đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ kinh tế thị trường, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến Giá trị cốt lõi là An toàn quản lý; Sức mạnh của Doanh nghiệp là sự thích ứng với các biến đổi; Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu của phục vụ; hiệu quả là thước đo giá trị và mục đích tồn tại của Doanh nghiệp;
  - + Sử dụng triệt để các lợi thế, vị thế doanh nghiệp theo phương châm “lấy ngắn nuôi dài” song song với việc tăng cường quan hệ hợp tác để tiếp cận cơ hội tham gia các Dự án đầu tư xây dựng KCHTGT ĐSQG, ĐSĐT có quy mô lớn và vừa; đảm bảo tăng trưởng

doanh thu, lợi nhuận ổn định; duy trì công ăn, việc làm, và đảm bảo thu nhập của NLD, đội ngũ chuyên gia hợp lý để tiếp tục yên tâm làm việc phát triển công ty;

+ Mở rộng và phát triển ngành nghề SXKD mới là quản lý, bảo trì KCHTGT đường bộ, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị ... tại một số địa bàn trọng điểm như Hà Nội, Hải phòng và phấn đấu để trở thành một ngành nghề chính tạo doanh thu, lợi nhuận ổn định trong tương lai;

+ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và phát triển KHCN, đặc biệt là ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý; tăng tỷ trọng lợi nhuận từ ngành nghề chính là quản lý, bảo trì KCHTĐS;

+ Tập trung nâng cao hiểu biết về nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ CBCNV giỏi có tay nghề cao trong các lĩnh vực công nghệ viễn thông, liên khóa, điều khiển, CNTT và quản trị doanh nghiệp; phát triển các kỹ năng mềm của NLD như ngoại ngữ, làm việc theo nhóm tổ; nâng cao trình độ tay nghề NLD nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp, phát triển thương hiệu HASITEC để sớm trở thành một nguồn lực cạnh tranh có hiệu quả trong nền kinh tế hội nhập.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tiến hành rà soát lại: toàn bộ hệ thống quy trình quản lý, bảo trì nội bộ đảm bảo tính tuân thủ, chấp hành, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện và có thể đánh giá được bằng những phương pháp định lượng;

+ Thực hiện các chính sách sử dụng, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu có hiệu quả; bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng trong giảm thiểu tai nạn giao thông, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, xóa đói giảm nghèo....

##### 5. Các rủi ro:

- Việc đảm bảo ATGT tại các đường ngang, trong điều kiện văn hóa của người tham gia giao thông thấp, người và phương tiện tham gia giao thông vượt quá khả năng của KCHT GTĐB; sự đô thị hóa diễn ra nhanh, sự lấn chiếm hành lang ATGTĐS khó có khả năng ngăn ngừa, dẫn đến suy giảm chất lượng, mất an toàn các công trình T<sup>3</sup>HD một cách trầm trọng là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến các rủi ro TNGTĐS có liên quan đến trách nhiệm bảo trì;

- Doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành nghề hẹp, có tính đặc thù nên thị trường, khách hàng, sản phẩm và dịch vụ không rộng rãi tìm kiếm, phát triển doanh thu, lợi nhuận khó khăn; NLD đào tạo theo chuyên ngành hẹp khó để chuyển đổi sang các ngành nghề khác khi định hướng phát triển ngành và thị trường có biến động.

– Tuy là loại hình Công ty cổ phần nhưng Nhà nước nắm giữ quyền chi phối, nhiều cấp, bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương đều có quyền (và độc lập thực hiện quyền) trong thanh tra, kiểm tra, giám sát tác động đến hiệu quả hoạt động và đặc biệt thể chế, chính sách, quy định của pháp luật còn chông chéo, bất cập dẫn đến Doanh nghiệp dễ bị mắc lỗi trong tuân thủ, chấp hành.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Công ty hoàn thành, vượt kế hoạch Doanh thu-Lợi nhuận được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 11/4/2018 thông qua, cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018		
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh % TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đ	160.865	181.717	+ 13
2	Tổng chi phí	Tr.đ	154.615	174.654	+ 13
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.250	7.063	+ 13
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.000	5.643	+ 12,9
5	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	%	20,8	23,5	+ 13

– Chỉ tiêu chất lượng SPCI: Chất lượng duy tu CĐT  $\geq 98,81\%/98,5\%$  (đạt); Hiệu suất sử dụng thiết bị HKT  $\geq 99,74\%/99,95\%$  (không đạt); Độ ổn định THĐB CBTĐ KÔĐ  $\geq 99,99\%/99,95\%$  (đạt). Chất lượng SPCI được TCT ĐSVN nghiệm thu đánh giá đạt loại A. Tình hình tai nạn giao thông trên các đường ngang CBTĐ cả năm 2018: số vụ tai nạn 13, giảm 09 vụ so với 2017; số người chết 03 giảm 03 người; bị thương 06 người, giảm 01 so với 2017; các vụ tai nạn xảy ra trên ĐNCBTĐ đều do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, không do lỗi về quản lý bảo trì của Công ty.

– HĐQT, Giám đốc công ty có các giải pháp trong sử dụng các đòn bẩy tài chính và sử dụng vốn phát huy tác dụng một cách hiệu quả, tài chính công ty tiếp tục lành mạnh, vững chắc, doanh thu hoạt động tài chính tăng 59,1% so với năm 2017; Doanh nghiệp tự đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại A theo 5 chỉ tiêu đánh giá quy định tại thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015;

### 2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm Sinh	Quê quán	Số CMTND hoặc CCCD	Trình độ Chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
							Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Đình Sỹ	Giám	1976	Hà Nội	001076002815	KS ĐTVT	1.600	0,071

		đốc				CN Luật	573.750	25,5
2	Cáp Trọng Huy	Phó giám đốc	1977	Hải Phòng	0080770000088	KS ĐTVT	62.500	2.778
3	Nguyễn Phương Nam	nt	1972	Quảng Nam	011641936	KS ĐTVT CN Luật	500	0,022
4	Phạm Văn Hiệp	nt	1979	Nam Định	162237701	KS THĐS	1.000	0,044
5	Nguyễn Thị Thanh Hiền	KTT	1967	Bắc Ninh	001167002948	CN Kế toán	2.900	0,129

– Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 01/02/2018, HĐQT Công ty, ban hành nghị quyết số 01/NQ-TTHN thống nhất miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Hữu Chính kể từ ngày 01/02/2018; Đồng thời ban hành nghị quyết số 02/NQ-TTHN thống nhất bầu ông Trần Hữu Chính (hiện giữ chức Phụ trách HĐQT) giữ chức Chủ tịch HĐQT công ty CP Thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội nhiệm kỳ 2016-2020, kể từ ngày 01/02/2018.

+ Từ ngày 01/9/2018, ông Hà Huy Trúc - Phó giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ. Ngày 11/9/2018, HĐQT Công ty đã ra quyết định số 37-18/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Cáp Trọng Huy – Trưởng phòng KHVT làm Phó giám đốc công ty kể từ ngày 15/9/2018.

– Số lượng cán bộ, nhân viên, thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- + Số lao động tại ngày 01/01/2018: 452 người
- + Số lao động chấm dứt HĐLĐ trong năm: 12 người
- + Số lao động nghỉ hưu đúng tuổi: 03 người
- + Số lao động tuyển dụng mới: 10 người
- + Số lao động tại ngày 31/12/2018: 447 người

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm không có khoản đầu tư tài chính, chào bán chứng khoán hoặc dự án đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có công ty con, công ty liên kết.

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	111.524	119.719	+ 7,3 %

Doanh thu thuần	157.926	178.461	+ 13 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.528	5.758	+ 4,2 %
Lợi nhuận khác	571	1.305	+ 128,5 %
Lợi nhuận trước thuế	6.099	7.063	+ 15,8 %
Lợi nhuận sau thuế	4.879	5.643	+ 15,7 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9,12	9,5	+ 4,2 %

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,27	1,27	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,20	1,25	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,59	3,74	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17,25	12,72	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,42	1,49	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,1 %	3,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	21,1%	23,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,4%	4,7%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,5%	3,2%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.250.000 cổ phần phổ thông;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.226.000 cp;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 24.000 cp (Công đoàn Công ty).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Tổng số cổ đông	460	2.250.000	100	
	- Cổ đông trong nước	460	2.250.000	100	
	- Cổ đông nhà nước	01	1.147.500	51	
	- Cổ đông khác	459	1.102.500	49	
2	Cổ đông lớn	03	1.527.150	67,872	
	- Tổng công ty ĐSVN	01	1.147.500	51	
	- Công ty TNHH Doha Đầu tư	01	189.825	8,436	
	- Ông Tô Huy Vũ	01	189.825	8,436	
3	Cổ đông là tổ chức	03	1.361.325	60,503	
	- Tổng công ty ĐSVN	01	1.147.500	51	
	- Công ty TNHH Doha Đầu tư	01	189.825	8,436	
	- Tổ chức Công đoàn Công ty	01	24.000	1.067	
4	Cổ đông nhỏ lẻ khác	457	888.675	39,497	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: 65.071 triệu đồng
- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không tái chế nguyên vật liệu để sản xuất

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	Năng lượng sử dụng	Đơn vị	Trực tiếp		Gián tiếp		Cộng	
			Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)	Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)	Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)
1	Số KW điện	KW	1.970.923	3.633	134.839	239	2105.767	3.872
2	Nhiên liệu MFĐ	Lít	17.530	297			17.530	297
3	Nhiên liệu ô tô	Lít	16.676	271	10.529	171	27.205	441



Tiêu thụ điện, xăng dầu (chạy máy phát điện) trực tiếp duy trì hoạt động của hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu thuộc KCHTĐS được tính trong đơn giá sản phẩm công ích; điện, xăng dầu gián tiếp là chi phí phục vụ cơ quan công ty các chi nhánh, tổ sản xuất trong kiểm tra đảm bảo an toàn chạy tàu, địa điểm làm việc và thường trực vận hành, giải quyết trở ngại và khai thác tại các tổ sản xuất, ga trạm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến: *Không*.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: *Không*.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

b) Lượng nước tiêu thụ trong năm =  $6.175 \text{ m}^3$ , với kinh phí là 87 triệu đồng

c) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không*.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm về môi trường: *Không*

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

– Lao động trung bình 447,4 người;

– Thu nhập trung bình năm 11,944 trđ/ng/thg.

b) Chính sách lao động: Tổ chức mạng lưới AT-VSLĐ đến từng tổ sản xuất; trang cấp đầy đủ dụng cụ phòng vệ cá nhân cho NLD; hằng năm tổ chức khám sức khỏe, phân loại lao động; trích nộp và đóng BHXH, BHYT, BHTN, phí công đoàn theo quy định; mua bảo thân thể tự nguyện cho 100% NLD; tổ chức nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức và thăm quan du lịch cho trên 1/3 tổng số NLD hằng năm; Thực hiện tốt các cam kết TULĐTT, Quy chế dân chủ ở cơ sở tạo không khí đoàn kết trong quan hệ giữa các bên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

– Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo lao động và theo phân loại lao động:

+ Trực tiếp sản xuất: 7h/người

+ Gián tiếp: 22h/người

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ 01 lao động được cử tham gia khóa đào tạo nâng cao trình độ về Thông tin tín hiệu tại Hàn Quốc thuộc dự án DEFP do KOICA tài trợ;

+ Tổ chức học tập kết hợp du lịch nước ngoài: 23 người

+ Đào tạo bổ túc nghiệp vụ ngắn hạn: 156 người (đào tạo nghiệp vụ cung trưởng, ATVSLĐ, huấn luyện PCCN; bồi dưỡng nghiệp vụ ATGTĐS, kiến thức QPAN...)

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Công ty hoàn thành, vượt kế hoạch Doanh thu-Lợi nhuận được ĐHĐCĐ ngày 11/4/2018 thông qua, cụ thể như sau: Doanh thu và thu nhập đạt 181,717 tỷ/160,865 tỷ (↑13%), trong đó doanh thu từ kế hoạch đặt hàng sản xuất và cung ứng SPCI đạt 91,572 tỷ/86,899 tỷ (↑5,4%) và doanh thu từ các hoạt động khác đạt 90,145 tỷ/73,966 tỷ (↑21,9%); lợi nhuận sau thuế 5,643/5,0 tỷ (↑12,9%), Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân 23,5%/20,8% (↑13%); cổ tức trên mỗi cổ phần đạt chỉ tiêu đề ra 9,5%;

– Chỉ tiêu chất lượng SPCI: Chất lượng duy tu CDT  $\geq 98.81\%/98,5\%$  (đạt); Hiệu suất sử dụng thiết bị HKT  $\geq 99.74\%/99,95\%$  (không đạt); Độ ổn định THĐB CBTĐ KÔĐ  $\geq 99.99\%/99,95\%$  (đạt). Chất lượng SPCI được TCT ĐSVN nghiệm thu đánh giá đạt loại A. Tình hình tai nạn giao thông trên các đường ngang CBTĐ cả năm 2018: số vụ tai nạn 13, giảm 09 vụ so với 2017; số người chết 03 giảm 03 người; bị thương 06 người, giảm 01 so với 2017; các vụ tai nạn xảy ra trên ĐNCBTĐ đều do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, không do lỗi về quản lý bảo trì của Công ty.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, doanh thu, lợi nhuận được ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua và vượt xa các chỉ tiêu được phê duyệt theo quyết định 3907/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 và các chỉ tiêu ngành năm 2018; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển, kết thúc năm tài chính Hệ số bảo toàn vốn của Công ty = 1,04

+ Một số quy chế quản trị công ty theo hướng áp dụng các nguyên tắc quản trị tiên tiến được xây dựng và ban hành làm cơ sở công khai minh bạch trong quản lý, điều hành doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của một công ty đại chúng có lợi ích công chúng và hội nhập thị trường quốc tế;

+ Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ và đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, phát huy tác dụng cao trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu và nâng cao năng suất lao động;

+ Uy tín doanh nghiệp và giá trị thương hiệu HASITEC trong, ngoài ngành đường sắt tiếp tục được củng cố và khẳng định.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

+ Cơ cấu tài sản = Tổng TS ngắn hạn/ Tổng TS dài hạn = 20,1.

Hệ số này cho biết TSNH chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, đối với doanh nghiệp SXKD, điều này ảnh hưởng rất quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ SXKD, bởi đó là những tài sản trong hoạt động hàng ngày và chi trả cho những chi phí phát sinh.

+ Hiệu quả sử dụng tài sản thể hiện bởi:

Hệ số vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân = 1,54.

Điều này chứng tỏ với mỗi một đồng tài sản của Công ty có 1,54 đồng doanh thu được tạo ra, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

+ Nợ phải thu xấu: năm 2018 Công ty đã đánh giá và thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp, số dư dự phòng cuối kỳ của Công ty là 6.095 triệu đồng. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ tại thời điểm 31/12/2018, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Tăng (giảm)
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	300	83.211	89.829	+6.618
I	<b>Nợ ngắn hạn</b>	310	81.941	87.774	+5.833
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	40.889	38.455	-2.434
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.330	5.625	+3.295
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.234	3.962	+728
4	Phải trả người lao động	314	28.194	30.884	+2.690
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	201	90	-111
6	Các khoản phải trả ngắn hạn	319	3.483	3.648	+165
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		558	+558
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	2.041	2.371	+330
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	1.568	2.180	+612
II	<b>Nợ dài hạn</b>	330	1.270	2.055	+785
1	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	1.270	2.055	+785

+ Các khoản nợ biến động lớn:

- Phải trả cho người bán ngắn hạn có số dư lớn, nhưng so với năm 2017 đã giảm 2.434 triệu đồng. Nguyên nhân: năm 2018 doanh thu thuần từ hoạt động SXKD tăng 13% so với năm 2017, các công trình dự án lớn chủ yếu tập trung vào cuối năm, vì vậy các yếu tố chi phí tăng theo đồng nghĩa với việc các khoản nợ người bán (Vật tư vật liệu, dịch vụ thuê ngoài...) tại thời điểm 31/12 tăng. Tuy nhiên trong tháng 01 và 02/2019 Công ty đã thực hiện trả nợ khách hàng, đến thời điểm 28/2/2019 nợ Phải trả cho người bán ngắn hạn là 8.879 triệu đồng. Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 3.295 triệu đồng: trong năm trước khi ký kết hợp đồng Công ty đã chú trọng đến tiềm lực tài chính của chủ đầu tư, trong điều khoản thanh toán tùy hợp đồng, yêu cầu phải tạm ứng trước khi thực hiện.

- Phải trả người lao động tăng 2.690 triệu đồng: Nguyên nhân: năm 2018 tổng doanh thu và thu nhập tăng 14 %, do vậy chi phí nhân công cũng tăng theo; đặc biệt trong năm Dự án hiện đại hóa TTTT Hà Nội – Vinh Giai đoạn II tiếp tục được chủ đầu tư duyệt bổ sung điều chỉnh bù nhân công đối với các hạng mục công ty đã thi công từ các năm trước, nhân công được trích bổ sung để bù nhân công từ dự án  $\approx$  6 tỷ đồng. Theo quy chế trả lương của Công ty, tiền lương quý trước sẽ được trả vào tháng sau liền kề, vì vậy tiền lương của người lao động cơ bản đã được chi trả đủ vào tháng 01 và 02/2018.

- Năm 2018 Công ty không có nợ phải trả xấu, nợ phải trả quá hạn làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ngay sau khi được BGTVT phê duyệt Phương án cổ phần hóa tại quyết định 3907/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015, Trong năm 2016 Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức, tính toán phân bổ lại lao động, kiện toàn lại bộ máy cán bộ quản lý các cấp: Từ 05 phòng nghiệp vụ giảm xuống còn 04; từ 06 Chi nhánh làm bảo trì KCHTĐS giảm xuống còn 05; từ 62 tổ sản xuất giảm xuống còn 50, phân chia lại địa bàn quản lý các chi nhánh, tổ sản xuất theo hướng hợp lý, phù hợp hơn với mô hình quản lý của Tổng công ty ĐSVN. Từ 01/5/2017 thực hiện sắp xếp lại tổ chức bằng việc điều chuyển Tổ kiểm định tín hiệu trực thuộc CQ công ty về trực thuộc XN Xây lắp. 01/7/2018 thành lập Trung tâm giám sát ĐN & CNTT trên cơ sở sáp nhập TT Quản lý điều hành mạng và tổ CNTT, thực hiện việc giám sát 24/24 tình hình hoạt động và thông số kỹ thuật của hệ thống thiết bị tại các đường ngang CBTĐ nhằm đảm bảo an toàn GT đường sắt.

- Tiếp tục thực hiện sửa đổi, bổ sung hệ thống Quy chế, Quy định theo kế hoạch số 02-2018/KH-TTHN của HĐQT để hoàn thiện quản lý, điều hành công ty theo mô hình công ty Cổ phần và sự thay đổi của các văn bản QPPL liên quan.

### 4. Kế hoạch hoạt động năm 2019

- Căn cứ vào số liệu khảo sát, đánh giá và dự đoán về thị trường, Giám đốc công ty dự kiến hoạch hoạt động năm 2019 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
I	Doanh thu, thu nhập	Tr.đồng	187.620	
1	- Hợp đồng đặt hàng SCTX	“	99.431	
2	- Hoạt động khác	“	88.189	
II	Các chỉ tiêu			
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.974	
	LNST/Vốn CSH (ROE)	%	23,5	
	LNST/Tổng TS (ROA)	%	4,5	

	LNST/DT thuần (ROS)	%	3,1	
	Cổ tức	%	9,5	

– Chỉ tiêu kỹ thuật: Chất lượng duy tu  $C_{DT} \geq 98,5\%$ ; Hiệu suất sử dụng thiết bị  $H_{KT} \geq 99,95\%$ ; Độ ổn định THĐB CBTĐ  $K_{OD} \geq 99,95\%$ ; số vụ chậm tàu  $\leq 5$  vụ; Sản phẩm, dịch vụ công ích bảo trì KCHTĐS giao nộp đúng kỳ hạn với chất lượng 100% đạt loại A.

#### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

##### a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

– Thực hiện tốt các chính sách, quy định của cấp có thẩm quyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường;

– Vật tư, phụ tùng chi tiết thay ra trong quá trình bảo trì, sửa chữa, thay thế KCHTĐS được thu nộp, bảo quản và bàn giao theo quy định.

##### b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

– Hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với NLĐ theo quy định của pháp luật về lao động; đời sống NLĐ được cải thiện và thu nhập được nâng cao, phúc lợi xã hội được đảm bảo;

– TULĐTT được NSDLĐ và NLĐ cùng chủ động thực hiện; quy chế dân chủ ở cơ sở được tôn trọng; thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, điều hành và phân phối (mạng Intranet); công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng; phong trào xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện đạo đức công vụ được quan tâm.

##### c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp

+ Tính tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật được các cơ quan chức năng đánh giá cao. Hoàn thành các nghĩa vụ thu nộp đối với ngân sách;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định, chương trình, kế hoạch hành động của ngành, chính quyền địa phương các cấp như: Phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn, dân quân tự vệ và ủng hộ giúp đỡ đồng bào thiên tai, đền ơn đáp nghĩa ...

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty cổ phần

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

– Năm 2018 HĐQT và Giám đốc đã thực hiện tốt các chức năng lãnh đạo, quản trị, điều hành, hoàn thành xuất sắc kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu theo quyết nghị của ĐHĐCĐ Công ty năm 2018;

– Chất lượng công tác quản trị, điều hành, tính công khai, minh bạch trong hoạt động, tính tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật tiếp tục được duy trì; thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với ngân sách đầy đủ theo quy định của pháp luật;

– Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ được thực hiện một cách nghiêm túc về công ăn việc làm, thu nhập đảm bảo; các quy định về trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, phí công

đoàn, trang thiết bị bảo vệ cá nhân, khám sức khỏe định kỳ thực hiện đầy đủ; TULĐTT có nhiều quy định có lợi hơn cho NLĐ; chủ động thực hiện trong ủng hộ theo chủ trương chung toàn ngành.

## *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

– Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, phương pháp tiếp cận, các quyết định điều hành của Giám đốc công ty trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ, nghị quyết chỉ đạo của HĐQT trong sản xuất kinh doanh, đời sống, xã hội năm 2018;

– Ban Giám đốc đã bám sát Mục tiêu chất lượng, kế hoạch SXKD năm và phân khai từng quý để cân đối điều hành, sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế, kỹ thuật đề ra. Những đầu tiên công trình quan trọng của MTCL năm đã được triển khai tổ chức thực hiện tốt. Chất lượng duy tu bảo trì đạt loại A, khối lượng SPCI đạt theo kế hoạch đề ra;

– Công tác đảm bảo an toàn quản lý tiếp tục được giữ vững; công tác khắc phục sự cố, thiên tai được giám đốc tổ chức điều hành chặt chẽ, bộ máy dưới quyền thực hiện nghiêm túc, phương án thi công hợp lý, đạt yêu cầu, tiến độ đề ra. Công tác đảm bảo ATGT tại các ĐNCBTĐ được thực hiện tốt với việc áp dụng KHCN vào hoạt động quản lý, giám sát, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng, tính sẵn sàng của hệ thống thiết bị.

– Kinh doanh ngoài công ích: Giám đốc đã nhạy bén, bám sát thực tế và làm việc tốt với các Ban ngành liên quan đồng thời tập trung điều hành giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh nên kết quả hoạt động ngoài công ích trong năm vượt các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ quyết nghị; đặc biệt đã tham gia thi công và hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng 06 gói thầu của Dự án “Nâng cấp, cải tạo đường ngang biển báo thành đường ngang cảnh báo tự động có cản chắn tự động” theo quyết định 994/QĐ-TTg.

– Giám đốc đã thực hiện quyền quản lý và sử dụng vốn, tài sản theo phân cấp một cách chủ động, hiệu quả; tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và đầu tư vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

## *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

– Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2019 được ĐHĐCĐ thường niên quyết nghị.

– Chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động trong đó tập trung kiện toàn, bố trí sắp xếp bộ máy quản lý từ Công ty đến các Chi nhánh theo yêu cầu của MTCV và năng lực cán bộ; đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản trị, điều hành và đảm bảo an toàn chạy tàu.

- Chủ trì và chỉ đạo xây dựng đề phê duyệt: dự toán chi phí sử dụng nguồn CPC trong kế hoạch đặt hàng SPCI năm 2019 để điều hành theo kế hoạch; xây dựng kế hoạch tài chính theo doanh thu, lợi nhuận đối với phần kế hoạch ngoài công ích.
- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, hoạt động; tiết kiệm chi tiêu nhằm tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận. Quản lý dòng tiền vào, ra chặt chẽ theo hướng gắn nợ vào tập thể, cá nhân theo quy định của Pháp luật và Quy chế quản lý nợ nội bộ; tiếp tục giải quyết dư nợ tồn đọng, nợ xấu từ những năm trước.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật trong SXKD.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ Quy chế quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công việc, phát huy vai trò của các tập thể và NLD trong tổ chức, điều hành và thực hiện công việc; đồng thời nâng cao tính kỷ luật và công khai, minh bạch, công bằng trong quản lý điều hành.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lập ngày 25 tháng 02 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Đình Sỹ**